

## **BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

### **CÔNG TY TNHH NHÀ NƯỚC MỘT THÀNH VIÊN XỔ SỐ KIẾN THIẾT CẦN THƠ**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022  
(đã được kiểm toán)



## **NỘI DUNG**

	Trang
Báo cáo của Ban Lãnh đạo	02 - 03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04 - 05
Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được kiểm toán	06 - 25
Bảng cân đối kế toán giữa niên độ	06 - 07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	09
Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ	10 - 25



## **BÁO CÁO CỦA BAN LÃNH ĐẠO**

Ban Lãnh đạo Công ty TNHH Nhà nước Một Thành viên Xổ số Kiến thiết Cần Thơ (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022.

### **CÔNG TY**

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên số 1800157562 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Cần Thơ cấp lần đầu ngày 25 tháng 11 năm 2008, thay đổi lần thứ 10 ngày 07 tháng 08 năm 2020.

Trụ sở chính của Công ty: 29 Cách Mạng Tháng 8, Phường Thới Bình, Quận Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ.

### **BAN LÃNH ĐẠO VÀ KIỂM SOÁT VIÊN**

Các thành viên của Ban Lãnh đạo và Kiểm soát viên đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Trần Minh Tâm	Chủ tịch	
Bà Nguyễn Thị Ánh Xuân	Giám đốc	
Ông Phạm Hoàng Hải	Phó Giám đốc	
Ông Lê Minh Huy	Phó Giám đốc	
Ông Đặng Thanh Tùng	Phó Giám đốc	
Bà Bùi Thị Yến Ni	Kế toán trưởng	(Bổ nhiệm ngày 19 tháng 04 năm 2022)
Bà Võ Thị Hồng Đoàn	Kiểm soát viên	

### **KIỂM TOÁN VIÊN**

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính giữa niên độ cho Công ty.

### **CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN LÃNH ĐẠO ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Ban Lãnh đạo Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính giữa niên độ, Ban Lãnh đạo Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Lãnh đạo và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ;
- Lập các Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Lãnh đạo Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Lãnh đạo Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt Ban Lãnh đạo  
CÔNG TY  
**CHỨC TỊCH CÔNG TY**  
TNHH  
MỘT THÀNH VIÊN  
XỔ SỐ KIẾN THIỆT  
CẦN THƠ  
  
**Trần Minh Tâm**



Cần Thơ, ngày 26 tháng 07 năm 2022

Y  
DUHA  
TOI  
C  
- TP



**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi: Ban Lãnh đạo  
Công ty TNHH Nhà nước Một Thành viên Xổ số Kiến thiết Cần Thơ**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty TNHH Nhà nước Một Thành viên Xổ số Kiến thiết Cần Thơ được lập ngày 26 tháng 07 năm 2022, từ trang 6 đến trang 25, bao gồm: Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ.

**Trách nhiệm của Ban Lãnh đạo**

Ban Lãnh đạo Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Lãnh đạo xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính giữa niên độ. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính giữa niên độ do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Lãnh đạo cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

**Ý kiến của kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty TNHH Nhà nước Một Thành viên Xổ số Kiến thiết Cần Thơ tại ngày 30 tháng 06 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

## Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý người đọc báo cáo tài chính đến Thuyết minh 2.3 của Báo cáo tài chính trong đó mô tả chính sách kế toán về Cơ sở lập Báo cáo tài chính giữa niên độ. Theo đó, Báo cáo tài chính kèm theo không bao gồm số liệu của Chi nhánh Công ty TNHH Nhà nước Một Thành viên Xổ số Kiến thiết Cần Thơ - Câu lạc bộ Bóng đá Cần Thơ do Công ty chỉ quản lý về mặt hành chính, không có vốn góp tại Câu lạc bộ.

Vấn đề cần nhấn mạnh này không làm thay đổi ý kiến chấp nhận toàn phần của chúng tôi.

**Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC**



**Đỗ Thị Ngọc Dung**

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số: 0659-2018-002-1

Hà Nội, ngày 26 tháng 07 năm 2022

**Hoàng Đức Anh**

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số: 4876-2019-002-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2022

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2022	01/01/2022
			VND	VND
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>669.861.058.836</b>	<b>529.453.517.622</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>3</b>	<b>52.113.435.200</b>	<b>66.947.833.520</b>
111	1. Tiền		52.113.435.200	46.947.833.520
112	2. Các khoản tương đương tiền		-	20.000.000.000
<b>120</b>	<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>4</b>	<b>335.000.000.000</b>	<b>255.000.000.000</b>
121	1. Đầu tư ngắn hạn		335.000.000.000	255.000.000.000
<b>130</b>	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>276.767.307.926</b>	<b>201.151.126.661</b>
131	1. Phải thu của khách hàng	5	273.448.480.854	197.895.071.879
132	2. Trả trước cho người bán	6	2.162.305.100	270.369.600
135	3. Các khoản phải thu khác	7	1.156.521.972	2.985.685.182
<b>140</b>	<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>8</b>	<b>5.885.315.710</b>	<b>3.467.723.060</b>
141	1. Hàng tồn kho		5.885.315.710	3.467.723.060
<b>150</b>	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>95.000.000</b>	<b>2.886.834.381</b>
152	1. Thuế GTGT được khấu trừ		-	10.362.268
154	2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	13	-	2.876.472.113
158	3. Tài sản ngắn hạn khác		95.000.000	-
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>369.709.723.687</b>	<b>376.879.583.266</b>
<b>220</b>	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>207.870.213.384</b>	<b>213.189.175.099</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	207.278.001.073	212.723.352.561
222	- Nguyên giá		288.844.537.108	288.435.817.108
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(81.566.536.035)	(75.712.464.547)
227	2. Tài sản cố định vô hình	10	592.212.311	465.822.538
228	- Nguyên giá		1.108.032.909	952.832.909
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(515.820.598)	(487.010.371)
<b>240</b>	<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>11</b>	<b>93.556.803.160</b>	<b>95.394.246.988</b>
241	- Nguyên giá		111.571.911.159	111.571.911.159
242	- Giá trị hao mòn lũy kế		(18.015.107.999)	(16.177.664.171)
<b>250</b>	<b>IV. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>4</b>	<b>29.226.879.419</b>	<b>29.226.879.419</b>
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		19.461.833.162	19.461.833.162
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		22.169.400.000	22.169.400.000
254	3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(12.404.353.743)	(12.404.353.743)
<b>260</b>	<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>39.055.827.724</b>	<b>39.069.281.760</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	12	39.055.827.724	39.069.281.760
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>1.039.570.782.523</b>	<b>906.333.100.888</b>



**Công ty TNHH Nhà nước Một Thành viên Xổ số Kiến thiết Cần Thơ**29 Cách Mạng Tháng 8, Phường Thới Bình,  
Quận Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ**Báo cáo tài chính giữa niên độ**  
kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022


Mẫu B01 - XS


**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ***Tại ngày 30 tháng 06 năm 2022*  
*(tiếp theo)*

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/06/2022	01/01/2022
			VND	VND
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>404.666.687.122</b>	<b>271.429.005.487</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>404.175.252.322</b>	<b>270.937.250.367</b>
312	1. Phải trả người bán		118.234.860	35.000.000
313	2. Người mua trả tiền trước		41.325.000	-
314	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	13	285.388.657.995	141.147.622.897
315	4. Phải trả người lao động		-	11.501.900.371
316	5. Chi phí phải trả ngắn hạn		-	2.000.000
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		-	13.636.364
319	7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	14	4.151.385.400	96.800.000
321	8. Dự phòng rủi ro trả thường	15	104.257.008.600	104.257.008.600
323	9. Quỹ khen thưởng phúc lợi		10.218.640.467	13.883.282.135
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>491.434.800</b>	<b>491.755.120</b>
333	1. Phải trả dài hạn khác	14	491.434.800	491.755.120
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>634.904.095.401</b>	<b>634.904.095.401</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>16</b>	<b>634.904.095.401</b>	<b>634.904.095.401</b>
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		634.904.095.401	634.904.095.401
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>1.039.570.782.523</b>	<b>906.333.100.888</b>

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN***Tại ngày 30 tháng 06 năm 2022*

Chỉ tiêu	Thuyết minh	30/06/2022	01/01/2022
		VND	VND
5. Công cụ dụng cụ lâu bền đang sử dụng		7.344.424.780	7.253.224.780
6. Tài sản, giấy tờ có giá nhận thế chấp		377.622.157.920	336.240.958.695
8. Doanh số phát hành xổ số kiến thiết		107.635.000.000	109.615.000.000

  
**Phan Kim Ngọc**  
 Người lập biểu

  
**Bùi Thị Yến Ni**  
 Kế toán trưởng

  
  
**Trần Minh Tâm**  
**CHỦ TỊCH CÔNG TY**  
 Cần Thơ, ngày 26 tháng 07 năm 2022

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu	6 tháng đầu
			năm 2022	năm 2021
			VND	VND
<b>01</b>	<b>1. Doanh thu</b>	<b>18</b>	<b>2.550.144.046.557</b>	<b>2.432.846.005.257</b>
01.1	1.1. Doanh thu kinh doanh xổ số		2.547.725.227.273	2.431.570.800.000
01.1.1	1.1.1. Xổ số truyền thống		2.547.725.227.273	2.431.570.800.000
01.2	1.2. Doanh thu kinh doanh khác		2.418.819.284	1.275.205.257
<b>02</b>	<b>2. Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>19</b>	<b>332.311.986.166</b>	<b>317.161.408.696</b>
02.1	2.1. Giảm trừ doanh thu kinh doanh xổ số		332.311.986.166	317.161.408.696
02.1.1	2.1.1. Xổ số truyền thống		332.311.986.166	317.161.408.696
<b>10</b>	<b>3. Doanh thu thuần</b>		<b>2.217.832.060.391</b>	<b>2.115.684.596.561</b>
10.1	3.1. Doanh thu thuần kinh doanh xổ số		2.215.413.241.107	2.114.409.391.304
10.1.1	3.1.1. Xổ số truyền thống		2.215.413.241.107	2.114.409.391.304
10.2	3.2. Doanh thu thuần kinh doanh khác		2.418.819.284	1.275.205.257
<b>11</b>	<b>4. Chi phí kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>1.836.404.800.076</b>	<b>1.750.303.280.771</b>
11.1	4.1. Chi phí kinh doanh xổ số		1.830.797.578.988	1.744.819.271.274
11.1.1	4.1.1. Chi phí trả thường		1.378.083.100.000	1.313.519.494.450
11.1.2	4.1.2. Chi phí trực tiếp phát hành xổ số		452.714.478.988	431.299.776.824
11.2	4.2. Giá vốn hàng hóa, sản phẩm, dịch vụ đã bán		5.607.221.088	5.484.009.497
<b>20</b>	<b>5. Lợi nhuận gộp</b>		<b>381.427.260.315</b>	<b>365.381.315.790</b>
20.1	5.1. Lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh xổ số		384.615.662.119	369.590.120.030
20.2	5.2. Lợi nhuận gộp từ hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ khác		(3.188.401.804)	(4.208.804.240)
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	2.871.982.103	1.953.533.756
22	7. Chi phí tài chính		-	-
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		-	-
24	8. Chi phí bán hàng		-	-
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	22	43.161.650.953	46.059.046.919
<b>30</b>	<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>341.137.591.465</b>	<b>321.275.802.627</b>
31	11. Thu nhập khác	23	794.498.530	507.656.039
32	12. Chi phí khác		196.383.802	211.565.614
<b>40</b>	<b>13. Lợi nhuận khác</b>		<b>598.114.728</b>	<b>296.090.425</b>
<b>50</b>	<b>14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>		<b>341.735.706.193</b>	<b>321.571.893.052</b>
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	24	68.347.141.239	64.314.378.610
<b>60</b>	<b>17. Lợi nhuận sau thuế TNDN</b>		<b>273.388.564.954</b>	<b>257.257.514.442</b>

Phan Kim Ngọc  
Người lập biểu

Bùi Thị Yên Ni  
Kế toán trưởng



Trần Minh Tâm  
CHỦ TỊCH CÔNG TY  
Cần Thơ, ngày 26 tháng 07 năm 2022



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022  
(Theo phương pháp trực tiếp)

Mã số CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2022 VND	6 tháng đầu năm 2021 VND
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	2.729.301.429.551	2.676.070.977.627
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	(1.822.368.900.133)	(1.748.776.324.857)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động	(28.136.687.507)	(28.812.452.829)
05	5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	(40.491.509.530)	(48.824.675.687)
06	6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	64.767.931.046	57.547.559.366
07	7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	(649.755.219.471)	(676.148.836.885)
<b>20</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>253.317.043.956</b>	<b>231.056.246.735</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	(563.920.000)	-
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	(290.000.000.000)	(192.000.000.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	210.000.000.000	249.000.000.000
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	3.985.499.913	9.649.794.029
<b>30</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>(76.578.420.087)</b>	<b>66.649.794.029</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	(191.573.022.189)	(206.921.357.305)
<b>40</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>(191.573.022.189)</b>	<b>(206.921.357.305)</b>
<b>50</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>(14.834.398.320)</b>	<b>90.784.683.459</b>
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	<b>66.947.833.520</b>	<b>56.987.525.110</b>
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	<b>52.113.435.200</b>	<b>147.772.208.569</b>

Phan Kim Ngọc  
Người lập biểu

Bùi Thị Yên Ni  
Kế toán trưởng

**Trần Minh Tâm**  
**CHỦ TỊCH CÔNG TY**  
Cần Thơ, ngày 26 tháng 07 năm 2022

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

### 1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

#### Hình thức sở hữu vốn

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên số 1800157562 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Cần Thơ cấp lần đầu ngày 25 tháng 11 năm 2008, thay đổi lần thứ 10 ngày 07 tháng 08 năm 2020.

Trụ sở chính của Công ty tại 29 Cách Mạng Tháng 8, Phường Thới Bình, Quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2022 là: 169 người (tại ngày 01 tháng 01 năm 2022 là: 167 người).

#### Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh: Lĩnh vực kinh doanh chính của Công ty là hoạt động xổ số, cá cược, đánh bạc.

#### Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sửa đổi lần thứ 10 ngày 07/08/2020 là:

- Kinh doanh Hoạt động xổ số, cá cược và đánh bạc;
- Kinh doanh dịch vụ nhà khách, nhà hàng;
- Câu lạc bộ bóng đá;
- Quảng cáo;
- Cho thuê văn phòng...

#### Cấu trúc doanh nghiệp

<u>Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:</u>	<u>Địa chỉ</u>	<u>Hoạt động kinh doanh chính</u>
Chi nhánh Công ty TNHH Nhà nước Một Thành viên Xổ số Kiến thiết Cần Thơ - Nhà khách - Trạm giao dịch Vé số kiến thiết Cần Thơ	Tổ 2, Ấp Cửa Lấp, Xã Dương Tơ, Thành phố Phú Quốc, Tỉnh Kiên Giang	Kinh doanh dịch vụ Nhà khách

### 2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

#### 2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

#### 2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

##### Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và bao gồm cả hướng dẫn kế toán áp dụng cho Công ty xổ số kiến thiết được Bộ Tài chính ban hành tại Thông tư 168/2009/TT-BTC ngày 19/08/2009.

##### Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.



### **2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các báo cáo tài chính của các đơn vị thành viên hạch toán độc lập và của Văn phòng Công ty. Đồng thời, Báo cáo tài chính của Công ty không bao gồm số liệu của Chi nhánh Công ty TNHH Nhà nước Một Thành viên Xổ số Kiến thiết Cần Thơ - Câu lạc bộ Bóng đá Cần Thơ do Công ty chỉ quản lý về mặt hành chính, không có vốn góp tại Câu lạc bộ.

Trong Báo cáo tài chính của Công ty, các nghiệp vụ giao dịch nội bộ và số dư nội bộ có liên quan đến tài sản, nguồn vốn và công nợ phải thu, phải trả nội bộ đã được loại trừ toàn bộ.

### **2.4 . Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

### **2.5 . Các khoản đầu tư tài chính**

*Các khoản đầu tư ngắn hạn* bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

*Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh* được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

*Các khoản đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác* bao gồm: các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư vào công ty liên doanh: Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, căn cứ vào Báo cáo tài chính của công ty liên doanh tại thời điểm trích lập dự phòng.
- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: nếu khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu; nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

### **2.6 . Các khoản nợ phải thu**

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính giữa niên độ căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

**2.7 . Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

**2.8 . Tài sản cố định**

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng, với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	25 - 50	năm
- Máy móc, thiết bị	03 - 15	năm
- Phương tiện vận tải	06 - 10	năm
- Thiết bị văn phòng	03 - 10	năm
- Cây lâu năm	04	năm
- Các tài sản khác	06 - 10	năm
- Phần mềm quản lý	05	năm
- Quyền sử dụng đất		không thời hạn

**2.9 . Bất động sản đầu tư**

Bất động sản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc.

Đối với bất động sản đầu tư cho thuê hoạt động được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Trong đó khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 50	năm
--------------------------	---------	-----

**2.10 . Thuê hoạt động**

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

**2.11 . Chi phí trả trước**

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.



Các loại chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

- Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản mà Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu đồng và do đó không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá công cụ dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 01 đến 03 năm.
- Giá trị lợi thế vị trí địa lý quyền thuê đất được phân bổ theo thời gian sử dụng đất còn lại sau khi nhận chuyển nhượng.
- Chi phí trả trước khác được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng từ 01 đến 03 năm. Riêng với phí phát sinh để có được khoản góp vốn vào Công ty CP Dầu khí MeKong sẽ được kết chuyển một lần vào chi phí khi thanh lý khoản đầu tư.

## 2.12 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính giữa niên độ căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

## 2.13 . Dự phòng rủi ro trả thường

Theo quy định tại Nghị định 122/2017/NĐ-CP ngày 13/11/2017 của Chính phủ quy định một số nội dung đặc thù về cơ chế quản lý tài chính và đánh giá hiệu quả hoạt động đối với doanh nghiệp kinh doanh xổ số, điều kiện được trích lập dự phòng rủi ro trả thường là khi trong kỳ trích lập doanh nghiệp kinh doanh xổ số có tỷ lệ trả thường thực tế nhỏ hơn tỷ lệ trả thường kế hoạch của từng loại hình sản phẩm xổ số được phép kinh doanh theo quy định của pháp luật.

Theo Thông tư số 75/2013/TT-BTC ngày 04/06/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn chi tiết về hoạt động kinh doanh xổ số, tỷ lệ trả thường đối với xổ số truyền thống là 50%.

Việc trích lập quỹ dự phòng rủi ro trả thường được tạm trích lập theo quý và thực hiện quyết toán khi kết thúc năm tài chính.

Doanh nghiệp kinh doanh xổ số sử dụng quỹ dự phòng rủi ro trả thường để trả thường khi tỷ lệ trả thường thực tế trong kỳ lớn hơn tỷ lệ trả thường kế hoạch. Trường hợp quỹ dự phòng trả thường không còn đủ để chi thì phần trả thường thực tế còn lại được tính vào chi phí kinh doanh.

Mức trích lập được xác định như sau: **DPtt = DT x TLkh - TTtt**

Trong đó:

- DPtt: Mức trích dự phòng trả thường của từng loại hình xổ số;
- DT: Tổng doanh thu có thuế của từng loại hình xổ số trong kỳ trích lập;
- TLkh: Tỷ lệ trả thường kế hoạch trong kỳ trích lập theo quy định đối với từng loại hình xổ số;
- TTtt: Tổng giá trị trả thường thực tế đã thanh toán cho khách hàng trúng thưởng của từng loại hình xổ số trong kỳ trích lập thuộc trách nhiệm chi trả của doanh nghiệp kinh doanh xổ số.
- Đối với các công ty xổ số kiến thiết hoạt động kinh doanh tại khu vực miền Nam, mức trích lập phải đảm bảo tổng số dư quỹ dự phòng rủi ro trả thường tối đa không vượt quá 3% tổng doanh thu có thuế của tất cả các loại hình xổ số được phép trích lập tại thời điểm trích lập. Trường hợp tổng số dư quỹ dự phòng rủi ro trả thường trong kỳ vượt giới hạn trên, doanh nghiệp kinh doanh xổ số phải hoàn nhập vào thu nhập khác. Số dư quỹ dự phòng rủi ro trả thường sử dụng không hết được chuyển sang năm sau.

## 2.14 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được phân phối theo các quy định tại Nghị định 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp.



## **2.15 . Doanh thu**

### *Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

### *Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ lãi tiền gửi được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

## **2.16 . Các khoản giảm trừ doanh thu**

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ là thuế tiêu thụ đặc biệt của xổ số.

## **2.17 . Giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng.

## **2.18 . Ghi nhận chi phí tiền lương**

Quý tiền lương thực hiện của viên chức quản lý được xác định tuân thủ theo hướng dẫn tại Nghị định 52/2016/NĐ-CP ngày 13/06/2016 của Chính phủ và Thông tư 27/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/09/2016 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc hướng dẫn thực hiện chế độ tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với người quản lý trong công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.

Quý tiền lương thực hiện của người lao động được xác định tuân thủ theo hướng dẫn tại Nghị định 51/2016/NĐ-CP ngày 13/06/2016 của Chính phủ và Thông tư 26/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/09/2016 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc hướng dẫn thực hiện quản lý lao động, tiền lương và tiền thưởng đối với người lao động làm việc trong công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.

## **2.19 . Chi phí tài chính**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính là chi phí liên quan đến dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác. Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

**2.20 . Thuế thu nhập doanh nghiệp**

## a) Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế TNDN trong kỳ kế toán hiện hành.

## b) Thuế suất thuế TNDN năm hiện hành

Công ty hiện đang áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022.

**2.21 . Các bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

**2.22 . Thông tin bộ phận**

Công ty chủ yếu hoạt động trong lĩnh vực xổ số, đồng thời toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty được thực hiện trên lãnh thổ Việt Nam nên Công ty không trình bày Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý.

**3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	30/06/2022	01/01/2022
	VND	VND
Tiền mặt	2.883.740.165	4.177.465.198
Tiền gửi ngân hàng	49.229.695.035	42.770.368.322
Các khoản tương đương tiền	-	20.000.000.000
	<b><u>52.113.435.200</u></b>	<b><u>66.947.833.520</u></b>

**4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

## a) Đầu tư ngắn hạn

	30/06/2022	01/01/2022
	VND	VND
- Tiền gửi có kỳ hạn	335.000.000.000	255.000.000.000
	<b><u>335.000.000.000</u></b>	<b><u>255.000.000.000</u></b>



**4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Tại ngày 30/06/2022, tiền gửi ngân hàng nắm giữ đến ngày đáo hạn là các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn gốc trên 3 tháng và kỳ hạn còn lại dưới 12 tháng tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 3,3%/năm đến 6,2%/năm, chi tiết bao gồm:

	30/06/2022
	VND
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam	
- Chi nhánh Cần Thơ	20.000.000.000
- Chi nhánh Tây Đô	30.000.000.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Cần Thơ	55.000.000.000
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Cần Thơ II	55.000.000.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nam Á- Chi nhánh Cần Thơ	10.000.000.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam	
- Chi nhánh Cần Thơ	30.000.000.000
- Chi nhánh Tây Đô	30.000.000.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bảo Việt - Chi nhánh Cần Thơ	10.000.000.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bưu Điện Liên Việt - Chi nhánh Cần Thơ	5.000.000.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Chúng Việt Nam - Chi nhánh Cần Thơ	20.000.000.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc Dân - Chi nhánh Cần Thơ	10.000.000.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn - Chi nhánh Cần Thơ	20.000.000.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông - Chi nhánh Cần Thơ	10.000.000.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển TP.Hồ Chí Minh - Chi nhánh Cần Thơ	5.000.000.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xăng dầu Petrolimex - Chi nhánh Cần Thơ	10.000.000.000
Ngân hàng Chính sách xã hội - Chi nhánh Cần Thơ	10.000.000.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xuất Nhập khẩu - Chi nhánh Cần Thơ	5.000.000.000
	<b><u>335.000.000.000</u></b>

**b) Đầu tư tài chính dài hạn**

	30/06/2022		01/01/2022	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Công ty liên doanh <sup>(1)</sup>	19.461.833.162	(5.625.481.586)	19.461.833.162	(5.625.481.586)
Công ty khác <sup>(2)</sup>	22.169.400.000	(6.778.872.157)	22.169.400.000	(6.778.872.157)
	<b><u>41.631.233.162</u></b>	<b><u>(12.404.353.743)</u></b>	<b><u>41.631.233.162</u></b>	<b><u>(12.404.353.743)</u></b>

(1) Đầu tư vào công ty liên doanh

Thông tin chi tiết về công ty liên doanh của Công ty vào ngày 30/06/2022 như sau:

Tên công ty liên doanh	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty TNHH Victoria Cần Thơ	Cần Thơ	40,0%	40,0%	Khách sạn

(2) Đầu tư vào công ty khác

Thông tin chi tiết về Công ty nhận đầu tư tại ngày 30/06/2022 như sau:

Tên công ty nhận đầu tư	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Dầu khí Mekong	Cần Thơ	4,3%	4,3%	Xăng dầu

Công ty đang thực hiện thoái vốn đối với các khoản đầu tư vào Công ty TNHH Victoria Cần Thơ và Công ty Cổ phần Dầu khí Mekong theo Quyết định số 37/QĐ-UBND ngày 08/01/2020 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ về việc phê duyệt Đề án tái cơ cấu Công ty TNHH Nhà nước một thành viên Xổ số kiến thiết Cần Thơ và Quyết định số 1448/QĐ-UBND ngày 08/7/2021 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ về việc điều chỉnh thời gian hoàn thành các phương án tại khoản 4 mục II Phần III của Đề án tái cơ cấu Công ty TNHH Nhà nước một thành viên Xổ số kiến thiết Cần Thơ ban hành kèm theo Quyết định số 37/QĐ-UBND ngày 08/01/2020. Theo đó, thời gian thực hiện Đề án tái cơ cấu kéo dài đến hết năm 2022.

**Công ty TNHH Nhà nước Một Thành viên Xổ số Kiến thiết Cần Thơ**29 Cách Mạng Tháng 8, Phường Thới Bình,  
Quận Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

Mẫu B09 - XS

**5 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	30/06/2022	01/01/2022
	VND	VND
Đại lý xổ số truyền thống	273.408.977.563	197.895.071.879
- Đại lý Mai Hữu Ảnh	54.431.637.185	39.069.870.535
- Đại lý Trương Thị Ngọc Thủy	19.090.900.100	12.686.336.400
- Đại lý Trương Văn Sơn	15.462.923.035	10.771.676.660
- Phải thu đại lý khác	184.423.517.243	135.367.188.284
Khách hàng khác	39.503.291	-
	<b><u>273.448.480.854</u></b>	<b><u>197.895.071.879</u></b>

**6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	30/06/2022	01/01/2022
	VND	VND
- Công ty TNHH May in và Sản xuất Quà tặng lưu niệm Minh Ngọc	1.809.300.000	-
- Các đối tượng khác	353.005.100	270.369.600
	<b><u>2.162.305.100</u></b>	<b><u>270.369.600</u></b>

**7 . CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC**

	30/06/2022	01/01/2022
	VND	VND
- Lãi dự thu tiền gửi	251.095.889	1.364.613.699
- Phải thu Trung tâm Phát triển quỹ đất TP Cần Thơ	-	665.645.400
- Phải thu Văn phòng UBND TP Cần Thơ	-	50.000.000
- Phải thu giảm giá trị quyết toán công trình	905.426.083	905.426.083
	<b><u>1.156.521.972</u></b>	<b><u>2.985.685.182</u></b>

**8 . HÀNG TỒN KHO**

	30/06/2022	01/01/2022
	VND	VND
- Nguyên liệu, vật liệu	12.805.336	14.477.790
- Công cụ, dụng cụ	3.692.136.851	1.273.633.800
- Hàng hóa	20.373.523	19.611.470
- Vé xổ số	2.160.000.000	2.160.000.000
	<b><u>5.885.315.710</u></b>	<b><u>3.467.723.060</u></b>

**9 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

Xem chi tiết Phụ lục 01.



**Công ty TNHH Nhà nước Một Thành viên Xổ số Kiến thiết Cần Thơ**

29 Cách Mạng Tháng 8, Phường Thới Bình,  
Quận Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ

**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

Mẫu B09 - XS

**10 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Quyền sử dụng đất (*) VND	Phần mềm máy vi tính VND	Cộng VND
<b>Nguyên giá TSCĐ</b>			
Số dư đầu kỳ	429.750.000	523.082.909	952.832.909
- <i>Mua trong kỳ</i>	-	155.200.000	155.200.000
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>429.750.000</b>	<b>678.282.909</b>	<b>1.108.032.909</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số dư đầu kỳ	-	487.010.371	487.010.371
- <i>Khấu hao trong kỳ</i>	-	28.810.227	28.810.227
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>-</b>	<b>515.820.598</b>	<b>515.820.598</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Tại ngày đầu kỳ	429.750.000	36.072.538	465.822.538
<b>Tại ngày cuối kỳ</b>	<b>429.750.000</b>	<b>162.462.311</b>	<b>592.212.311</b>

(\*) Quyền sử dụng đất vô thời hạn tại nhà số 164F, Điện Biên Phủ, Phường 6, Quận 3, thành phố Hồ Chí Minh. Mục đích sử dụng làm văn phòng đại diện.

**11 . BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ**

	Nhà VND	Cơ sở hạ tầng VND	Cộng VND
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư đầu kỳ	82.529.762.668	29.042.148.491	111.571.911.159
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>82.529.762.668</b>	<b>29.042.148.491</b>	<b>111.571.911.159</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số dư đầu kỳ	7.466.588.227	8.711.075.944	16.177.664.171
- <i>Khấu hao trong kỳ</i>	826.383.570	1.011.060.258	1.837.443.828
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>8.292.971.797</b>	<b>9.722.136.202</b>	<b>18.015.107.999</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Tại ngày đầu kỳ	75.063.174.441	20.331.072.547	95.394.246.988
<b>Tại ngày cuối kỳ</b>	<b>74.236.790.871</b>	<b>19.320.012.289</b>	<b>93.556.803.160</b>

Bất động sản đầu tư là tầng 9-16 tòa nhà số 29 Cách Mạng Tháng 8, Quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ được sử dụng với mục đích cho thuê.

**12 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

	30/06/2022 VND	01/01/2022 VND
- Chi phí nhận chuyển nhượng đầu tư (1)	7.075.885.818	6.453.663.596
- Giá trị lợi thế vị trí địa lý quyền thuê đất (2)	31.866.219.781	32.365.429.489
- Chi phí sửa chữa, xuất dùng CCDC	113.722.125	250.188.675
	<b>39.055.827.724</b>	<b>39.069.281.760</b>

(1) Là chi phí phát sinh để có được khoản góp vốn vào Công ty CP Dầu khí MeKong và được hạch toán theo hướng dẫn của Sở Tài chính ngày 09/06/2010. Do Công ty đang trong quá trình thoái vốn nên chi phí này sẽ được kết chuyển một lần vào chi phí khi thanh lý khoản đầu tư (Thuyết minh 4).

(2) Giá trị lợi thế vị trí địa lý quyền thuê đất được ghi nhận (cùng với tài sản gắn liền với đất có tổng giá trị chuyển nhượng là 87.874.982.000 đồng) theo Hợp đồng chuyển nhượng tài sản gắn liền với đất giữa Chi nhánh Công ty TNHH MTV Nông Sản Xuất nhập khẩu Cần Thơ - Cửu Long Phú Quốc Resort với Công ty ngày 24 tháng 12 năm 2012. Ngoài hợp đồng chuyển nhượng này, Công ty còn phải trả tiền thuê đất hàng năm với UBND tỉnh Kiên Giang, thời gian sử dụng là 40 năm.



**13 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

Xem chi tiết Phụ lục 02.

**14 . CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP KHÁC**

	30/06/2022	01/01/2022
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>		
- Phải trả hoa hồng đại lý	4.117.385.400	-
- Phải trả khác	34.000.000	96.800.000
	<b>4.151.385.400</b>	<b>96.800.000</b>
<b>b) Dài hạn</b>		
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn của các công ty thuê văn phòng làm việc tại trụ sở Công ty	491.434.800	491.755.120
	<b>491.434.800</b>	<b>491.755.120</b>

**15 . DỰ PHÒNG RỦI RO TRẢ THƯỜNG**

	30/06/2022	01/01/2022
	VND	VND
- Dự phòng rủi ro trả thường	104.257.008.600	104.257.008.600
	<b>104.257.008.600</b>	<b>104.257.008.600</b>

**16 . VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của CSH VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Cộng VND
<b>06 tháng đầu năm 2021</b>			
<b>Số dư đầu kỳ trước</b>	<b>634.904.095.401</b>	-	<b>634.904.095.401</b>
Lãi trong kỳ trước	-	257.257.514.442	257.257.514.442
Tạm trích quỹ khen thưởng phúc lợi (*)	-	(3.800.000.000)	(3.800.000.000)
Nộp lợi nhuận còn lại về Ngân sách	-	(253.457.514.442)	(253.457.514.442)
<b>Số dư cuối kỳ trước</b>	<b>634.904.095.401</b>	-	<b>634.904.095.401</b>
<b>06 tháng đầu năm 2022</b>			
<b>Số dư đầu kỳ này</b>	<b>634.904.095.401</b>	-	<b>634.904.095.401</b>
Lãi trong kỳ này	-	273.388.564.954	273.388.564.954
Tạm trích quỹ khen thưởng phúc lợi (*)	-	(3.900.000.000)	(3.900.000.000)
Nộp lợi nhuận còn lại về Ngân sách	-	(269.488.564.954)	(269.488.564.954)
<b>Số dư cuối kỳ này</b>	<b>634.904.095.401</b>	-	<b>634.904.095.401</b>

(\*) Công ty thực hiện tạm trích các quỹ trong năm theo quy định tại Nghị định 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015.

**b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	Cuối kỳ VND	Tỷ lệ %	Đầu kỳ VND	Tỷ lệ %
Vốn góp của Nhà nước	634.904.095.401	100,00	634.904.095.401	100,00
	<b>634.904.095.401</b>	<b>100,00</b>	<b>634.904.095.401</b>	<b>100,00</b>

**Công ty TNHH Nhà nước Một Thành viên Xổ số Kiến thiết Cần Thơ**29 Cách Mạng Tháng 8, Phường Thới Bình,  
Quận Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

Mẫu B09 - XS

**17 . CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**

Công ty thuê đất và trả tiền thuê hàng năm theo thông báo của Cơ quan thuế chi tiết như sau:

Khu đất	Hợp đồng	Mục đích sử dụng	Thời gian	Diện tích (m2)
Số 29 Cách Mạng Tháng Tám, phường Thới Bình, quận Ninh Kiều, Cần Thơ	Hợp đồng số 64/HĐTĐ-2012 ngày 11/10/2012	Làm trụ sở Công ty, cho thuê	50 năm	1.306,20
Thửa đất tại xã Dương Tơ, huyện Phú Quốc, Tỉnh Kiên Giang	Hợp đồng số 40,42/HĐTĐ ngày 18/08/2014	Kinh doanh	40 năm	9.835,70

**18 . DOANH THU**

	6 tháng đầu năm 2022	6 tháng đầu năm 2021
	VND	VND
Doanh thu kinh doanh xổ số truyền thống	2.547.725.227.273	2.431.570.800.000
Doanh thu cung cấp kết quả xổ số	50.681.819	59.090.910
Doanh thu cho thuê phòng	725.125.891	118.518.183
Doanh thu nhà hàng	371.914.123	49.464.544
Doanh thu kinh doanh bất động sản	1.263.108.730	1.046.677.075
Doanh thu khác	7.988.721	1.454.545
	<b><u>2.550.144.046.557</u></b>	<b><u>2.432.846.005.257</u></b>

**19 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU**

	6 tháng đầu năm 2022	6 tháng đầu năm 2021
	VND	VND
Thuế TTĐB của xổ số truyền thống	332.311.986.166	317.161.408.696
	<b><u>332.311.986.166</u></b>	<b><u>317.161.408.696</u></b>

**20 . CHI PHÍ KINH DOANH**

	6 tháng đầu năm 2022	6 tháng đầu năm 2021
	VND	VND
Chi phí kinh doanh xổ số	1.830.797.578.988	1.744.819.271.274
- Chi phí trả thưởng	1.378.083.100.000	1.313.519.494.450
- Chi phí trực tiếp phát hành xổ số (*)	452.714.478.988	431.299.776.824
Giá vốn dịch vụ phòng	2.999.321.265	3.156.263.833
Giá vốn nhà hàng	427.470.673	286.942.330
Giá vốn kinh doanh bất động sản	2.180.429.150	2.040.803.334
	<b><u>1.836.404.800.076</u></b>	<b><u>1.750.303.280.771</u></b>

**20 . CHI PHÍ KINH DOANH (tiếp theo)**

(\*) Chi tiết các khoản chi phí trực tiếp phát hành xổ số như sau:

	6 tháng đầu năm 2022	6 tháng đầu năm 2021
	VND	VND
1. Chi phí cho các đại lý	421.789.777.500	402.972.892.220
1.1. Hoa hồng đại lý bán vé	420.374.662.500	401.209.182.000
1.2. Chi phí ủy quyền trả thưởng	1.415.115.000	1.763.710.220
2. Chi phí phục vụ xổ số	421.019.103	186.552.218
3. Chi phí quay số mở thưởng, khấu hao thiết bị	982.750.568	975.550.568
4. Chi phí chống số đề	80.000.000	120.450.000
5. Chi phí giấy và công in vé xổ số	28.080.000.000	25.683.400.000
6. Chi phí thông tin kết quả mở thưởng	1.300.931.817	1.300.931.818
7. Chi phí đóng góp hoạt động XSKT khu vực	60.000.000	60.000.000
	<b>452.714.478.988</b>	<b>431.299.776.824</b>

**21 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	6 tháng đầu năm 2022	6 tháng đầu năm 2021
	VND	VND
Lãi tiền gửi	2.871.982.103	1.953.533.756
	<b>2.871.982.103</b>	<b>1.953.533.756</b>

**22 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	6 tháng đầu năm 2022	6 tháng đầu năm 2021
	VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý	19.033.294.900	18.443.621.178
Chi phí đồ dùng văn phòng	654.308.778	624.162.348
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.858.951.335	3.925.731.294
Thuế, phí, và lệ phí	570.925.504	479.258.849
Chi phí công tác an sinh xã hội	5.085.034.000	5.533.803.000
Chi phí quảng cáo	4.751.118.476	8.635.272.745
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.154.641.932	3.573.255.716
Chi phí khác bằng tiền	5.053.376.028	4.843.941.789
	<b>43.161.650.953</b>	<b>46.059.046.919</b>

**23 . THU NHẬP KHÁC**

	6 tháng đầu năm 2022	6 tháng đầu năm 2021
	VND	VND
Bán giấy phế liệu	464.338.182	232.186.819
Tiền sử dụng điện của các Công ty thuê văn phòng	242.487.619	200.662.160
Tiền thu hộ vé ế	87.272.729	58.181.819
Thu nhập khác	400.000	16.625.241
	<b>794.498.530</b>	<b>507.656.039</b>



**24 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	6 tháng đầu năm 2022	6 tháng đầu năm 2021
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	341.735.706.193	321.571.893.052
Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập chịu thuế TNDN	341.735.706.193	321.571.893.052
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành (Thuế suất 20%)</b>	<b><u>68.347.141.239</u></b>	<b><u>64.314.378.610</u></b>
Thuế TNDN phải nộp đầu kỳ	4.790.887.957	8.302.409.547
Thuế TNDN đã nộp trong kỳ	(40.491.509.530)	(48.824.675.687)
<b>Thuế TNDN phải nộp cuối kỳ</b>	<b><u>32.646.519.666</u></b>	<b><u>23.792.112.470</u></b>

**25 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính giữa niên độ này.

**26 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Công ty có các giao dịch phát sinh trong kỳ và số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán với các bên liên quan như sau:

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	6 tháng đầu năm 2022	6 tháng đầu năm 2021
	VND	VND
- Thu nhập của Ban Lãnh đạo	1.459.200.000	1.354.080.000

Ngoài giao dịch với bên liên quan nêu trên, các bên liên quan khác không phát sinh giao dịch trong kỳ và không có số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán với Công ty.

**Công ty TNHH Nhà nước Một thành viên Xổ số Kiến thiết Cần Thơ**

29 Cách Mạng Tháng 8, Phường Thới Bình,  
Quận Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ

**Báo cáo tài chính giữa niên độ**  
kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

Mẫu B09 - XS

**27 . SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ và thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán. Số liệu trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021, đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.

**Phan Kim Ngọc**  
Người lập biểu

**Bùi Thị Yên Ni**  
Kế toán trưởng



**Trần Minh Tâm**  
**CHỦ TỊCH CÔNG TY**  
Cần Thơ, ngày 26 tháng 07 năm 2022



**Phụ lục 01 : TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cây lâu năm	TSCĐ hữu hình khác	<b>Cộng</b>
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Nguyên giá</b>							
Số dư đầu kỳ	206.445.846.212	65.830.080.195	9.247.215.404	6.658.493.479	96.000.000	158.181.818	288.435.817.108
- Mua trong kỳ	-	-	-	408.720.000	-	-	408.720.000
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>206.445.846.212</b>	<b>65.830.080.195</b>	<b>9.247.215.404</b>	<b>7.067.213.479</b>	<b>96.000.000</b>	<b>158.181.818</b>	<b>288.844.537.108</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>							
Số dư đầu kỳ	36.230.350.273	28.438.881.599	7.024.996.490	3.874.135.225	32.000.000	112.100.960	75.712.464.547
Số tăng trong kỳ	2.743.134.450	2.376.935.064	376.889.124	334.264.370	12.000.000	10.848.480	5.854.071.488
- Khấu hao trong kỳ	2.743.134.450	2.376.935.064	376.889.124	334.264.370	12.000.000	10.848.480	5.854.071.488
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>38.973.484.723</b>	<b>30.815.816.663</b>	<b>7.401.885.614</b>	<b>4.208.399.595</b>	<b>44.000.000</b>	<b>122.949.440</b>	<b>81.566.536.035</b>
<b>Giá trị còn lại</b>							
Tại ngày đầu kỳ	170.215.495.939	37.391.198.596	2.222.218.914	2.784.358.254	64.000.000	46.080.858	212.723.352.561
<b>Tại ngày cuối kỳ</b>	<b>167.472.361.489</b>	<b>35.014.263.532</b>	<b>1.845.329.790</b>	<b>2.858.813.884</b>	<b>52.000.000</b>	<b>35.232.378</b>	<b>207.278.001.073</b>

- Nguyên giá TSCĐ hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết còn sử dụng: 11.479.436.225 VND.

**Phụ lục 02 : THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	01/01/2022		Trong kỳ		30/06/2022	
	Số phải thu VND	Số phải nộp VND	Số phải nộp VND	Số đã thực nộp VND	Số phải thu VND	Số phải nộp VND
- Thuế Giá trị gia tăng	-	35.437.664.399	251.285.151.267	237.517.574.019	-	49.205.241.647
- Thuế Tiêu thụ đặc biệt	-	46.197.315.487	332.311.986.166	313.420.000.000	-	65.089.301.653
- Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	4.790.887.957	68.347.141.239	40.491.509.530	-	32.646.519.666
- Phải nộp ngân sách lợi nhuận còn lại	-	44.333.022.189	269.488.564.954	191.573.022.189	-	122.248.564.954
- Thuế Thu nhập cá nhân đại lý vé số	2.679.628.386	-	20.642.492.649	16.972.103.475	-	990.760.788
- Thuế Thu nhập cá nhân cán bộ - công nhân viên và thù lao ngoài (i)	-	770.856.732	2.453.318.235	3.036.695.600	-	187.479.367
- Thuế Thu nhập cá nhân người trúng thưởng	-	9.617.863.333	73.438.500.000	68.035.863.333	-	15.020.500.000
- Thuế Tài nguyên	-	12.800	840.320	563.200	-	289.920
- Thuế Nhà đất và tiền thuê đất	196.843.727	-	733.855.133	537.011.406	-	-
- Các loại thuế khác	-	-	4.000.000	4.000.000	-	-
- Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	13.284.000	13.284.000	-	-
	<b>2.876.472.113</b>	<b>141.147.622.897</b>	<b>1.018.719.133.963</b>	<b>871.601.626.752</b>	-	<b>285.388.657.995</b>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

(i) Trong năm 2022, Công ty đã được hoàn thuế TNCN của người quản lý, kiểm soát viên và người lao động Công ty số tiền 695.666.779 VND.

